nước định kỳ cuối tháng, cuối quý; sau khi trừ đi dự toán chi được cấp có thẩm quyền duyệt, số còn lại đơn vị nộp vào tài khoản của Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản để điều hòa cho các đơn vị trực thuộc có số thu thấp hơn số chi theo dự toán chi được duyệt.

Các đơn vị thu lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản chi theo dự toán được duyệt, trong năm nếu giảm thu thì sẽ giảm chi tương ứng. Trường hợp thu vượt dự toán được giao, đề nghị Bộ Thủy sản lập dự toán gửi Bộ Tài chính xem xét bổ sung nhưng đảm bảo nguyên tắc tổng số chi không vượt quá tỷ lệ chi (90%) được để lại theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Quyết toán thu, chi lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản.

Cuối quý, cuối năm đơn vị tổ chức thu lệ phí có trách nhiệm quyết toán toàn bộ số thu, chi lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản theo quy định tại Quyết định số 999/TC/QĐ-CĐKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và những quy định của Thông tư này.

Bộ Thủy sản có trách nhiệm duyệt quyết toán cho Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản và tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính có trách nhiệm xét duyệt và thông báo duyệt quyết toán lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản cùng với quyết toán năm cho Bộ Thủy sản.

Trường hợp số lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản được để lại chi, nếu cuối năm sử dụng không hết thì đơn vị phải nộp tiếp vào ngân sách nhà nước.

5. Bộ Thủy sản có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất) các đơn vị tổ chức thu để đảm bảo việc thu đúng chế độ, chi tiêu đúng mục đích, có hiệu quả và xử lý kịp thời các sai phạm (nếu có).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2000 thay thế nội dung chi quy định tại Thông tư liên Bộ số 13/TTLB ngày 12/2/1996 của liên Bộ Tài chính - Thủy sản quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí về công tác quản lý chất lượng và vệ sinh thủy sản.

2. Các hoạt động dịch vụ khác của Trung tâm và chi nhánh kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước về đơn vị sự nghiệp có thu.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09660409

THÔNG TƯ số 117/2000/TT-BTC ngày 21/12/2000 bổ sung và sửa đổi một số điểm của Thông tư số 40/2000/TT-BTC ngày 15/5/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 176/1999/QĐ-TTg ngày 26/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu.

Căn cứ Quyết định số 176/1999/QĐ-TTg ngày 26/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thông báo tại Công văn số 4537/VPCP-KTTH ngày 18/10/2000 của Văn phòng Chính phủ;

Sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp và Tổng

cục Hải quan, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi và bổ sung một số điểm của Thông tư số 40/2000/TT-BTC ngày 15/5/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 176/1999/QĐ-TTg ngày 26/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu, như sau:

I. Bổ sung Mục I - Đối tượng và phạm vi áp dụng miễn thuế, như sau:

Bổ sung và sửa đổi điểm 1 như sau:

- Các dự án đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư và dự án đầu tư vào vùng núi, vùng sâu, vùng xa được miễn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng để phục vụ sản xuất của dự án trong thời hạn 5 (năm) năm (tính theo năm dương lịch) kể từ khi bắt đầu sản xuất và được áp dụng chung cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước, cụ thể:

1. Các dự án đầu tư thuộc danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư, danh mục dự án khuyến khích đầu tư và các dự án đầu tư vào vùng núi, vùng sâu, vùng xa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam và theo Điều 11 Quyết định số 53/1999/QĐ-TTg ngày 26/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Các dự án khuyến khích đầu tư thuộc ngành, nghề đúng với danh mục A hoặc dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn thuộc danh mục C của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10;

II. Sửa đổi Mục II - Thủ tục hồ sơ miễn thuế nhập khẩu, như sau:

1. Bỏ quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm 1 và điểm 2 mục II: "- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó ghi rõ đối tượng được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu, bán thành phẩm nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng; thời gian miễn thuế."

Thay bằng quy định:

- Đối với doanh nghiệp trong nước thì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó ngành, nghề sản xuất, kinh doanh đúng với danh mục A hoặc dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn thuộc danh mục C của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10;

2. Đối với dự án được hưởng ưu đãi với các điều kiện kèm theo như tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm, tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước, sử dụng nhiều lao động thì hàng năm (chậm nhất đến ngày 15 tháng 2) doanh nghiệp phải báo cáo với Bộ Thương mại tình hình thực hiện các tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm, tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước, sử dụng nhiều lao động năm trước để làm cơ sở cho việc xét cấp danh mục nguyên vật liệu, bán thành phẩm miễn thuế nhập khẩu của năm tiếp theo. Đồng thời gửi báo cáo với Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp và cơ quan thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp để làm cơ sở quyết toán nguyên vật liệu, bán thành phẩm đã được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp nếu doanh nghiệp không đảm bảo được tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm, tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước, sử dụng nhiều lao động theo quy định thì sẽ bị truy thu thuế nhập khẩu đã được miễn thuế tương ứng với số lượng sản phẩm không xuất khẩu.

III. Tổ chức thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Thông tư số 40/2000/TT-BTC ngày 15/5/2000 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ VĂN NINH

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH số 1732/2000/QĐ-BTM ngày 13/12/2000 ban hành Quy chế về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Hiệp định Quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia ngày 07 tháng 9 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;

Sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quy chế này thay thế cho Quy chế về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1162/TM-XNK ngày 20/9/1994, Quyết định số 123/TM-XNK ngày 27/2/1995 và Quyết định số 689/TM-XNK ngày 09/8/1996 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

Bộ trưởng Bộ Thương mại

VŨ KHOAN

QUY CHẾ về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

(ban hành kèm theo Quyết định số 1732/2000/QĐ-BTM ngày 13/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hàng quá cảnh nêu trong Quy chế này là hàng hóa của chủ hàng Campuchia quá cảnh lãnh thổ Việt Nam để sang nước thứ ba hoặc từ nước thứ ba về Campuchia hoặc được vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam từ địa phương này sang địa phương khác của Campuchia.

2. Việc quá cảnh hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (trừ việc quá cảnh gỗ và sản phẩm gỗ được quy định riêng) được quy định như sau:

2.1. Cấm quá cảnh hàng hóa mà pháp luật và tập quán quốc tế nghiêm cấm như ma túy, hóa chất độc hại, chất phóng xạ, các sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc phương hại tới độc lập chủ quyền và an ninh của Việt Nam; các loại thực vật và động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com